

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 209/2023/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, Tại ngày: 15 tháng 06 năm 2023

As at 15 Jun 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 14/06/2023
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	3.700	5,0%
2	BVH	100	0,3%
3	CTG	800	1,4%
4	DGC	200	0,8%
5	DIG	500	0,7%
6	EIB	1.500	2,0%
7	FPT	1.000	5,3%
8	GEX	600	0,7%
9	GMD	300	1,0%
10	HCM	200	0,3%
11	HDB	2.000	2,3%
12	HPG	3.600	5,3%
13	HSG	500	0,5%
14	IDC	200	0,6%
15	KBC	600	1,0%
16	KDC	100	0,4%
17	KDH	500	1,0%
18	LPB	1.600	1,5%
19	MBB	2.800	3,6%
20	MSB	1.900	1,6%
21	MSN	700	3,4%
22	MWG	1.200	3,2%
23	NLG	300	0,6%



STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volumn	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
24	NVL	1.200	1,2%
25	PDR	300	0,3%
26	PLX	100	0,2%
27	PNJ	300	1,4%
28	POW	600	0,5%
29	PVD	200	0,3%
30	PVS	200	0,4%
31	REE	200	0,8%
32	SBT	300	0,3%
33	SHB	2.800	2,1%
34	SSB	1.700	3,3%
35	SSI	1.100	1,7%
36	STB	2.100	3,7%
37	TCB	2.600	5,3%
38	TPB	1.500	1,7%
39	VCB	500	3,2%
40	VCI	300	0,6%
41	VGC	100	0,3%
42	VHC	100	0,4%
43	VHM	1.200	4,2%
44	VIB	1.200	1,8%
45	VIC	1.300	4,4%
46	VJC	300	1,8%
47	VND	1.000	1,2%
48	VNM	900	3,8%
49	VPB	5.300	6,5%
50	VRE	1.000	1,7%
II	Tiền/Cash(VND)	73.027.599	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	1.529.935.000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	1.602.962.599
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	73.027.599

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	ACB	21.600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BVH	45.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	FPT	84.400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	20.300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	MWG	43.000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	REE	62.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	SSI	25.350	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
8	TCB	32.800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	TPB	18.150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VCB	102.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ BVSC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
11	VCI	34.300	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
12	VIB	23.400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 14/06/2023	Kỳ trước/Last Period(**) 13/06/2023	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0,00	0,00	0,00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0,00	0,00	0,00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	8.800.000,00	8.800.000,00	0,00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	16.300,00	16.890,00	-590,00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	141.060.708.730,00	140.553.434.315,00	507.274.415,00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1.602.962.599,00	1.597.198.117,00	5.764.482,00
của 1 CCQ/ per Share	16.029,62	15.971,98	57,64
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1.809,26	1.817,71	-8,45

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 13/06/2023

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 12/06/2023

Đại diện tổ chức ✓
Organization representative



Trần Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC